

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên trường:** trường Tiểu học Diễn Ngọc

2. **Địa chỉ:** Xóm Trường Tiến – Xã Ngọc Bích – Huyện Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An

Email: thdienngoc1.dc@nghean.edu.vn

Cổng thông tin điện tử:

<https://tieuhocdienngoc.dienchau.edu.vn/admin>

3. **Loại hình:** Công lập

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Huyện Diễn Châu

4. **Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:**

Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, văn minh, hạnh phúc để mỗi giáo viên và học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng. Đào tạo thế hệ tương lai của đất nước trở thành những công dân ưu tú, năng động, khỏe về thể chất, mạnh về trí lực, có tinh thần trách nhiệm, giàu lòng nhân ái và có đủ bản lĩnh, tự tin vươn cao, hội nhập với thế giới.

Tầm nhìn: Xây dựng Trường Tiểu học Diễn Ngọc bằng trí tuệ và tấm lòng nhà giáo, bằng sự truyền thụ nền giáo dục tiên tiến. Một môi trường rèn luyện để giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và khát vọng vươn lên.

Giá trị cốt lõi: “Năng động - Sáng tạo – Đoàn kết - An toàn -Thân thiện – Hạnh phúc”

Giá trị cốt lõi mà Trường luôn hướng đến là học sinh biết vượt khó trong học tập, có tính kiên trì và nhẫn nại; có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống; tự tin giao tiếp; Khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ.

Mục tiêu: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, củng cố trường chuẩn quốc gia mức độ 1, xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. **Quá trình hình thành và phát triển nhà trường**

Trường Tiểu học Diễn Ngọc đóng trên địa bàn xóm Trường Tiến xã Ngọc Bích thuộc huyện Diễn Châu- Tỉnh Nghệ An . Phía Đông giáp khu dân cư,

phía Tây giáp đồng ruộng của nhân dân và đường liên xóm, phía Nam giáp trường Mầm non, phía Bắc giáp khu dân cư. Hiện trường TH Diễn Ngọc có tổng diện tích là 8121 m², cảnh quan sư phạm xanh – sạch – đẹp – an toàn; cơ sở vật chất khang trang, đảm bảo đầy đủ các phòng học và phòng chức năng, thiết bị dạy học tối thiểu và hiện đại phục vụ cho công tác dạy và học.

Trường TH Diễn Ngọc tiền thân là trường cấp 1,2 Diễn Ngọc. Năm học 1988-1989 trường được tách ra lấy tên là trường cấp 1 Diễn Ngọc. Tháng 8/2003 do quy mô quá lớn trường được tách ra thành 2 trường TH là trường TH Diễn Ngọc 1 và trường TH Diễn Ngọc 2 theo QĐ 641 của chủ tịch UBND Huyện Diên Châu. Sau 12 năm tách thành 2 trường, ngày 18/8/2015 Chủ tịch UBND Huyện có QĐ số 1414 sát nhập trường TH Diễn Ngọc 1 và TH Diễn Ngọc 2 thành trường TH Diễn Ngọc và từ đó đến nay trường được mang tên Trường tiểu học Diễn Ngọc.

Trường đạt trường Chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2011 và được kiểm tra công nhận lại lần thứ 2 năm 2016.

- Năm 2013: Được giám đốc Sở GD&ĐT Nghệ An ký quyết định công nhận đạt kiểm định chất lượng mức độ 2..

6. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Nguyễn Thị Liễu
- Chức vụ : Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0986793828
- E mail: lieuthdb71@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

TT	Số văn bản	Ngày	CQ ban hành	Trích yếu
1	24561/QĐ-UBND	12/8/2022	UBND Huyện	QĐ bổ nhiệm hiệu trưởng
2	3453/QĐ-UBND	04/9/2025	UBND xã	QĐ bổ nhiệm lại PHT
	2509/QĐ-UBND	22/8/2024	UBND Huyện	QĐ bổ nhiệm lại PHT
3	3698/QĐ-UBND	6/11/2023	UBND huyện	QĐ thành lập HĐ trường
4	112/QĐ-THDN	22/8/2025	HT trường TH	QĐ bổ nhiệm TT, TP

II. ĐỘI NGŨ CBQL, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN.

1. Nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

	Tổng	Nữ	D.Tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
H.Trưởng	01	01	0	0	01	0	
PHT	02	02	0	0	02	0	

Giáo viên	57	54	0	0	57	0	
Nhân viên	04	04	0	01	03	0	
Cộng	64	61	0	01	63	0	

2. Chuẩn nghề nghiệp

STT	Đội ngũ	Đạt chuẩn nghề nghiệp năm 2025	Năm 2024
1	Cán bộ quản lý	03 – 100%	100%
2	Giáo viên	57 – 100%	100%

3. Bồi dưỡng hàng năm

TT	Đội ngũ	Hoàn thành BD năm 2025	Năm 2024
1	Cán bộ quản lý	03 – 100%	100%
2	Giáo viên	57 – 100%	100%
3	Nhân viên	0	0
	Tổng cộng	60 – 100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin chung:

- Diện tích trường: 8121m²
- Số điểm trường: 01
- Diện tích bình quân tối thiểu/HS: 4,97m²/học sinh

2. Hạng mục khối phòng

TT	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
Khối phòng hành chính quản trị		01	
1	Phòng Hiệu trưởng	01	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	01	
3	Kế toán – Tài vụ	01	
4	Phòng Hội đồng	01	
Khối phòng học – chức năng			
1	Phòng học	44	
2	Phòng Âm nhạc	0	
3	Phòng Mỹ thuật	0	
4	Phòng Tin học	01	
5	Phòng Tiếng Anh	0	
6	Phòng Khoa học	0	
7	Thư viện – Thiết bị	02	

8	Phòng Y tế	01	
9	Phòng Đội – Truyền thống	0	
10	Phòng đa chức năng	0	
11	Sân chơi	01	
12	Sân thể dục	0	

3. Thiết bị dạy học

- Ti vi: 45
- Máy chiếu: 01
- Máy tính: 29

4. Danh mục sách giáo khoa lớp 5 sử dụng từ năm học 202-2025

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Chu Thị Thúy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga	Nhà XB ĐHSP thành phố HCM	
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)	NXB GDVN	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên)	NXB GDVN	
4	LS – ĐL 5	Nguyễn Minh Giang (Tổng chủ biên phần lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lý)	NXB GDVN	
5	GDTC	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng (Chủ biên)	NXB GDVN	
6	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên), Đỗ Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên)	NXB GDVN	
7	Mỹ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương, Trần Thị Biên (Chủ biên)	NXB GDVN	
8	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên)	NXB GDVN	
9	Khoa học	Vũ Huy Hùng (Tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên)	NXB GDVN	
10	Tiếng Anh 5 (i-Learn SmartStart)	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên)	Nhà XB ĐHSP thành phố HCM	
11	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên),	NXB	

		Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên)	GDVN	
12	Tin học	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên)	NXB GDVN	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, TRƯỜNG CHUẨN QG

TT	Số văn bản	Ngày	Cơ quan ban hành	Mức độ đạt
1		21/6/2011	UBND Tỉnh Nghệ An	Mức độ 1
2		31/8/2013	Sở GDĐT Nghệ An	Cấp độ 2
3		04/9/2016	UBND Tỉnh Nghệ An	Mức độ 1

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số liệu chung:

Khối	Tổng lớp	Số HS	Số HS học 2b/ngày	Bình quân HS/lớp	Nữ	Dân tộc	K.Tật
1	08	310	310	38,75	147	Kinh	01
2	09	318	318	35,3	149	Kinh	05
3	10	355	355	35,5	157	Kinh	01
4	08	308	308	38,5	153	Kinh	07
5	09	342	342	38,0	160	Kinh	06
Tổng	44	1633	1633	37,1	772	Kinh	20

2. Kết quả học sinh

Khối	Tổng HS	Số HS hoàn thành chương trình lớp học/tiểu học	Số HS được lên lớp	Số HS không được lên lớp
1	310	305	305	05
2	318	316	316	02
3	355	355	355	0
4	308	308	308	0
5	342	342	342	0
Tổng	1633	1626	1626	07

4. Khen thưởng

- + Học sinh xuất sắc: 635; tỷ lệ: 38,9%
- + Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 403; tỷ lệ: 24,7%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Báo cáo thu-chi tài chính năm học 2024 -2025

T T	Diễn giải	Tổng tiền		
		Thu	Chi	Tồn
A	Phần thu			
	Số dư năm trước chuyển sang:			0
	-Tiền Tài trợ			27.2284.969
	-Tiền CSSKBD			12.607.000
	-Tiền xe đạp			
1	Thu ngân sách thường xuyên	12.441.000.000		
2	Thu vận động tài trợ	355.792.000		
3	Thu tiền trông xe đạp	27.864.000		
4	Thu tiền học tiếng anh tăng cường	229.920.000		
5	Thu tiền phô tô đề kiểm tra định kỳ cho HS	34.376.000		
6	Thu chi phí tổ chức bán trú	628.140.000		
7	Tiền ăn bán trú	1.316.214.000		
8	Thu CSKKBD	65.627.595		
	Tổng cộng thu			
B	Phần chi			
1	Nguồn Ngân sách			
	Chi trả lương, phụ cấp lương cho cán bộ giáo viên		9.558.510.000	
	Chi nộp BHXH, BHYT, BHTN cho CBGV		1.715.882.300	
	Sinh hoạt phí cho cán bộ đi học		9.000.000	
	Chi trả tiền công cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		194.000.000	
	Thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, tiền nước)		53.601.700	
	Công tác phí		19.750.000	
	Chi các khoản thanh toán khác cho cá nhân		63.993.600	
	Chi vật tư văn phòng phẩm, mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng		22.992.000	
	Chi mua sách báo tạp chí, mạng internet.		22.047.400	

	Chi mua sắm cơ sở vật chất, sửa chữa.		101.932.000	
	Phúc lợi tập thể		72.100.000	
	Chi cho chuyên môn nghiệp vụ		112.578.000	
	Chi tiếp khách hội nghị, các khoản khác.		51.602.000	
	Học bổng và Chí phí học tập của học sinh		53.288.000	
	Thưởng thường xuyên		388.723.000	
	Cộng chi		12.441.000.000	
2	Nguồn Tài trợ			
	Nâng cấp mở rộng sân khấu, lán xi măng trước cổng trường, sân trường		37.975.000	
	Làm mái che trước bếp và vách ngăn		24.899.000	
	Mua 137 bộ bàn ghế học sinh, 03 bộ bàn ghế giáo viên		179.120.000	
	Mua 15 bảng từ cho các lớp		63.000.000	
	Sửa chữa hệ thống điện nước, bóng, quạt cho các lớp.		18.490.000	
	Lắp bổ sung camera, sửa chữa thay thế linh kiện ti vi, máy tính cho các phòng học		32.308.000	
	Cộng chi		355.792.000	
3	Xe đạp			
	Chi tiền công trông giữ xe đạp		18.000.000	
	Thanh toán tiền làm nhà xe hS		17.339.000	
	Nạp thuế		4.566.400	
	Cộng chi		39.905.400	
4	Tiếng anh tăng cường			
	Thanh toán tiền cho trung tâm		183.936.000	
	Thanh toán tiền GV, công tác quản lý		39.086.000	
	Tăng cường CSVC		6.898.000	

	Cộng chi		229.920.000	
5	Phô tô			
	Chi phô tô đề kiểm tra		34.376.000	
6	Tổ chức bán trú			
	Thanh toán thuê người nấu ăn		194.580.000	
	Thanh toán tiền trực trưa cho QL, GV, NV		366.150.000	
	Thanh toán tiền bảo vệ, lao công		11.900.000	
	Thanh toán điện, nước nấu ăn		35.578.000	
	Thanh toán mua đồ dùng vệ sinh (vím tẩy, xà phòng giặt, giấy vệ sinh,...)		19.932.000	
	Cộng chi		628.140.000	
7	Tiền ăn			
	Thanh toán tiền thực phẩm, chất đốt, dầu rửa, gia vị		1.316.214.000	
8	Chăm sóc SKBD			
	Chi mua thuốc, vật tư y tế (bông băng, sát khuẩn, khẩu trang ...)		25.180.000	
	Thanh toán tiền khám sức khỏe học sinh		8.200.000	
	Thanh toán tiền lương y tế		22.500.000	
	Cộng chi		55.880.000	
C	Còn dư chuyển năm 2025-2026			
	Xe đạp			565.500
	Chăm sóc SKBD			40.619.309

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thầy cô luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh ngày càng được nâng lên, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân.

Năm học 2024 – 2025 trường có 06 GV đạt GVDG cấp Huyện; 17 chiến sỹ thi đua cơ sở; 02 GV được Chủ tịch Huyện tặng giấy khen

Liên Đội được công nhận liên đội vững mạnh xuất sắc.

*** Đánh giá chất lượng qua các kỳ thi:**

- Kết quả các sân chơi trực tiếp đạt cấp huyện:
 - + Hội thi tin học trẻ có 01 em đạt giải ba cấp huyện.
 - + Kết quả giao lưu Toán tuổi thơ cấp huyện đạt 6/6 em, trong đó có 2 giải ba và 4 giải KK.
 - + Cuộc thi đại sứ văn hoá đọc: 01 em giải chuyên đề.
- Kết quả các sân chơi qua mạng:
 - + Trạng nguyên Tiếng việt: Đạt cấp huyện: 81; Tỉnh 64
 - + Toán VIOED tỉnh: 02 em,
 - + Tiếng Anh VIOED tỉnh: 01 em
 - + IOE cấp tỉnh: 09 em, QG: 04 em.
 - + Thi Tiếng Anh TOEFL có 7 em.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (b/c)
- Đảng cộng TTĐT
- Lưu VT

